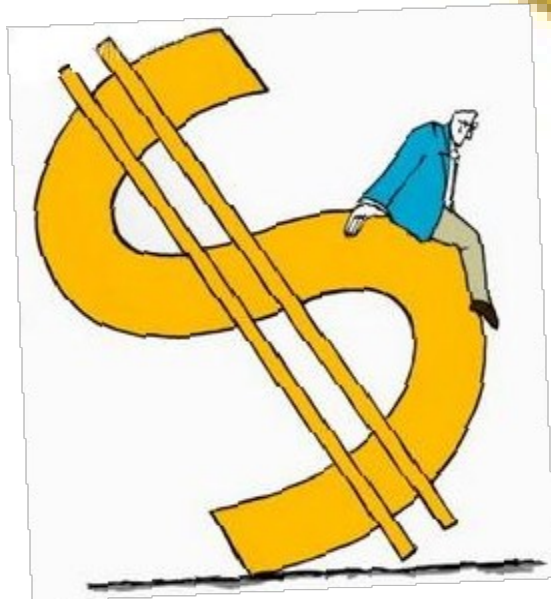


Giảng viên: Trần Thị Lộc

CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT CỦA NHTW CÁC NƯỚC VÀ VIỆT NAM





**PHẦN I : KHÁI QUÁT
CHUNG VỀ LÃI SUẤT**

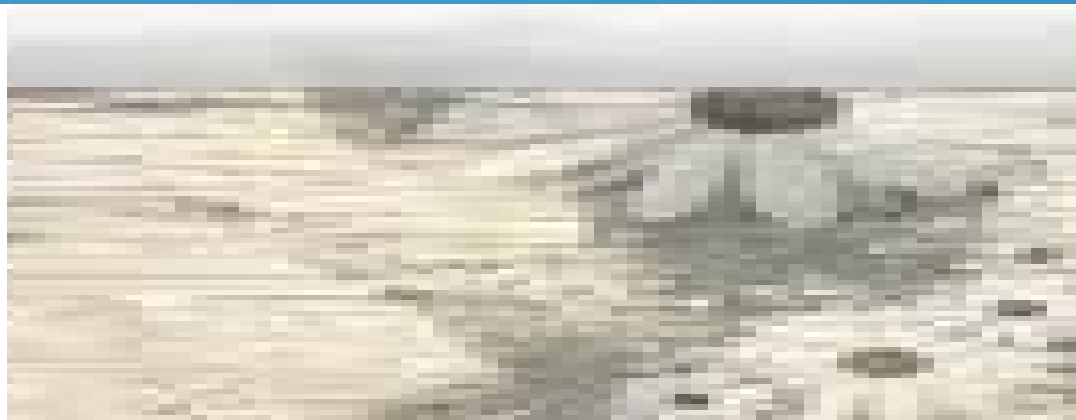
**PHẦN II : CƠ CHẾ ĐIỀU
HÀNH LÃI SUẤT CỦA
NHTW CÁC NƯỚC**

**PHẦN III : CƠ CHẾ ĐIỀU
HÀNH LÃI SUẤT CỦA
NHTW VIỆT NAM**

**PHẦN IV : TỔNG KẾT VỀ
LÃI SUẤT**

I : KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LÃI SUẤT

- KHÁI NIỆM LÃI SUẤT
- PHÂN LOẠI LÃI SUẤT
- VAI TRÒ CỦA LÃI SUẤT



Lãi suất

Là giá cả của quyền được sử dụng vốn vay trong một khoảng thời gian nhất định mà người sử dụng phải trả cho người sở hữu nó.



Người cho vay → thu nhập
Người đi vay → chi phí

Phân loại lãi suất

❖ 1. Phân loại theo giá trị thực của lãi suất :

- ❖ Lãi suất danh nghĩa
- ❖ Lãi suất thực tế

2. Phân loại theo cách đo lường của lãi suất:

- ❖ Lãi suất đơn
- ❖ Lãi suất kép
- ❖ Lãi suất hiệu quả
- ❖ Lãi suất hoàn vốn

❖ 3. Lãi suất tín dụng ngân hàng

- ❖ Lãi suất ngắn hạn
- ❖ Lãi suất trung hạn
- ❖ Lãi suất dài hạn

Vai trò của lãi suất

Lãi suất là công cụ kích thích lợi ích vật chất để thu hút các khoản tiết kiệm của các chủ thể kinh tế

Lãi suất là công cụ điều tiết vĩ mô

Lãi suất là công cụ phân phối vốn và kích thích sử dụng vốn có hiệu quả

Lãi suất là công cụ đo lường tình trạng sức khỏe của nền kinh tế

Lãi suất là công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia

II. Cơ chế lãi suất của NHTW các nước trên thế giới.



Khái quát về NHTW

- Ngân hàng trung ương là cơ quan đặc trách quản lý hệ thống tiền tệ của quốc gia, nhóm quốc gia, vùng lãnh thổ và chịu trách nhiệm thi hành chính sách tiền tệ.
- Mục đích hoạt động của ngân hàng trung ương là ổn định giá trị của tiền tệ, ổn định cung tiền, kiểm soát lãi suất, cứu các ngân hàng thương mại có nguy cơ đổ vỡ. Hầu hết các ngân hàng trung ương thuộc sở hữu của Nhà nước, nhưng vẫn có một mức độ độc lập nhất định đối với Chính phủ.

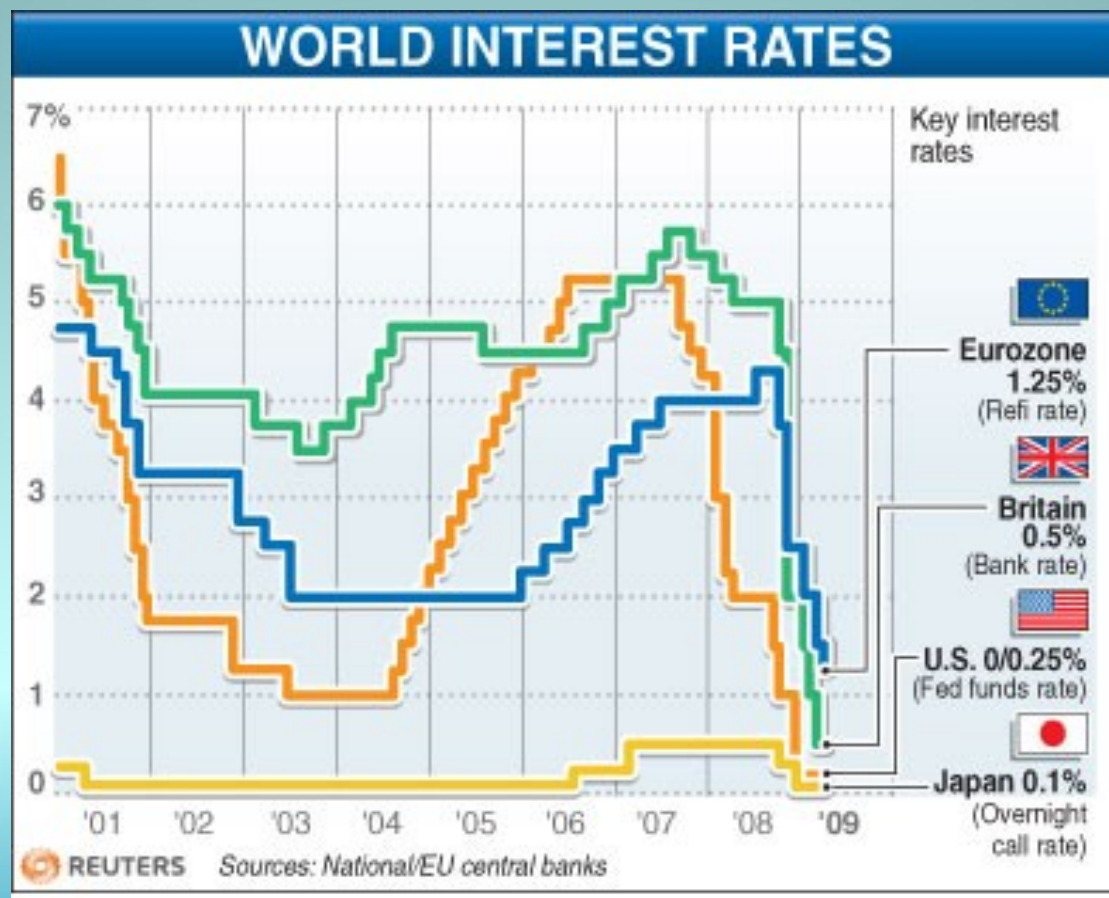


Tổng quan về cơ chế điều hành lãi suất:

- Mỗi quốc gia khác nhau, vào từng thời kỳ khác nhau của nền kinh tế, tùy thuộc vào mô hình của NHTW mà quốc gia đó sở hữu, sẽ có khả năng quyết định việc điều chỉnh hay giữ nguyên mức lãi suất cũng như những chính sách tiền tệ phù hợp để phục vụ cho mục tiêu phát triển của đất nước đó.



Thực trạng lãi suất của thế giới những năm vừa qua



Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED)

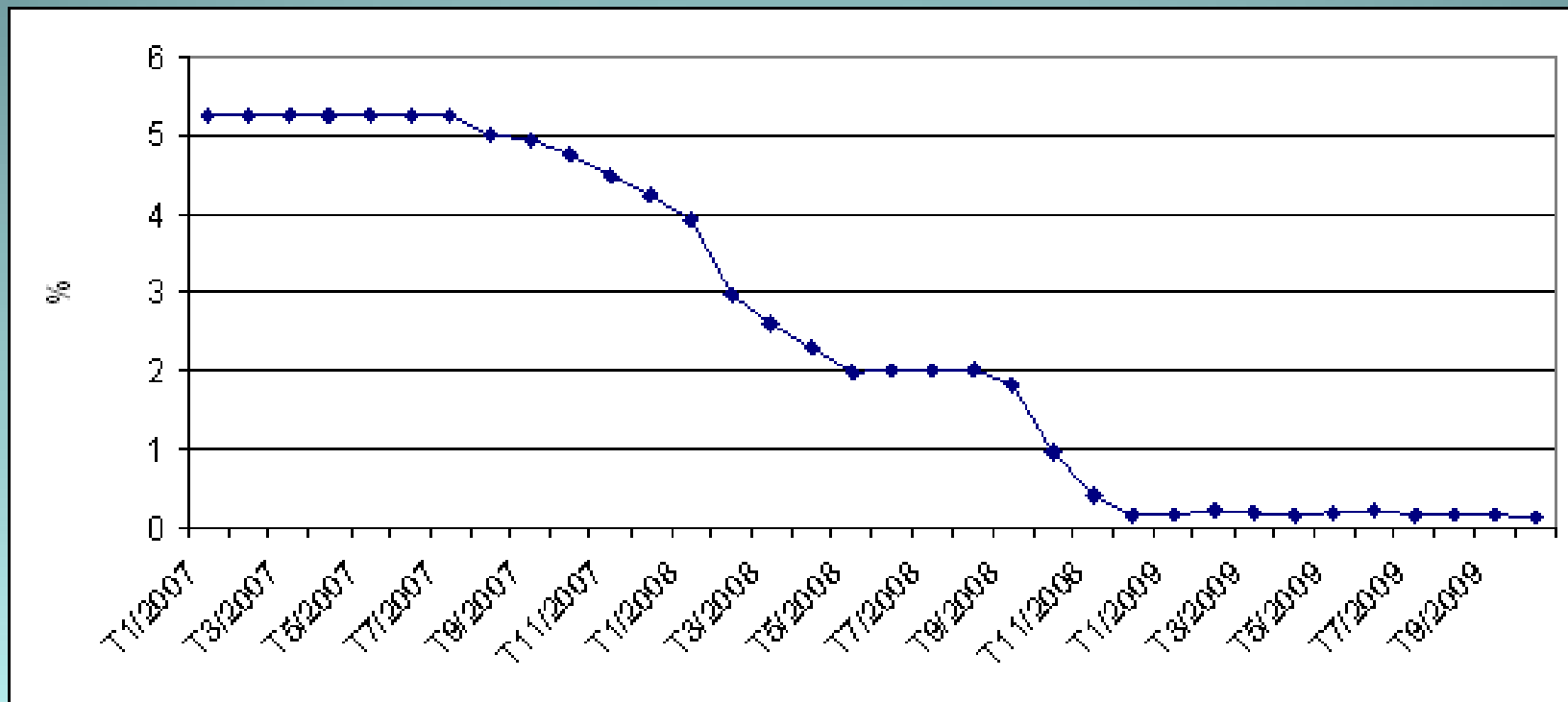


Trụ sở của Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ, Washington.D.C

FED thực hiện chính sách tiền tệ chủ yếu bằng cách định hướng “lãi suất quỹ vốn của FED”
(tỷ lệ các ngân hàng ấn định với nhau cho khoản vay qua đêm các quỹ đặt cọc tại FED)



Biểu đồ lãi suất quỹ vốn của FED từ 1982 đến 2009



Diễn biến lãi suất cơ bản của FED 2007-2009

FED điều chỉnh lãi suất khi

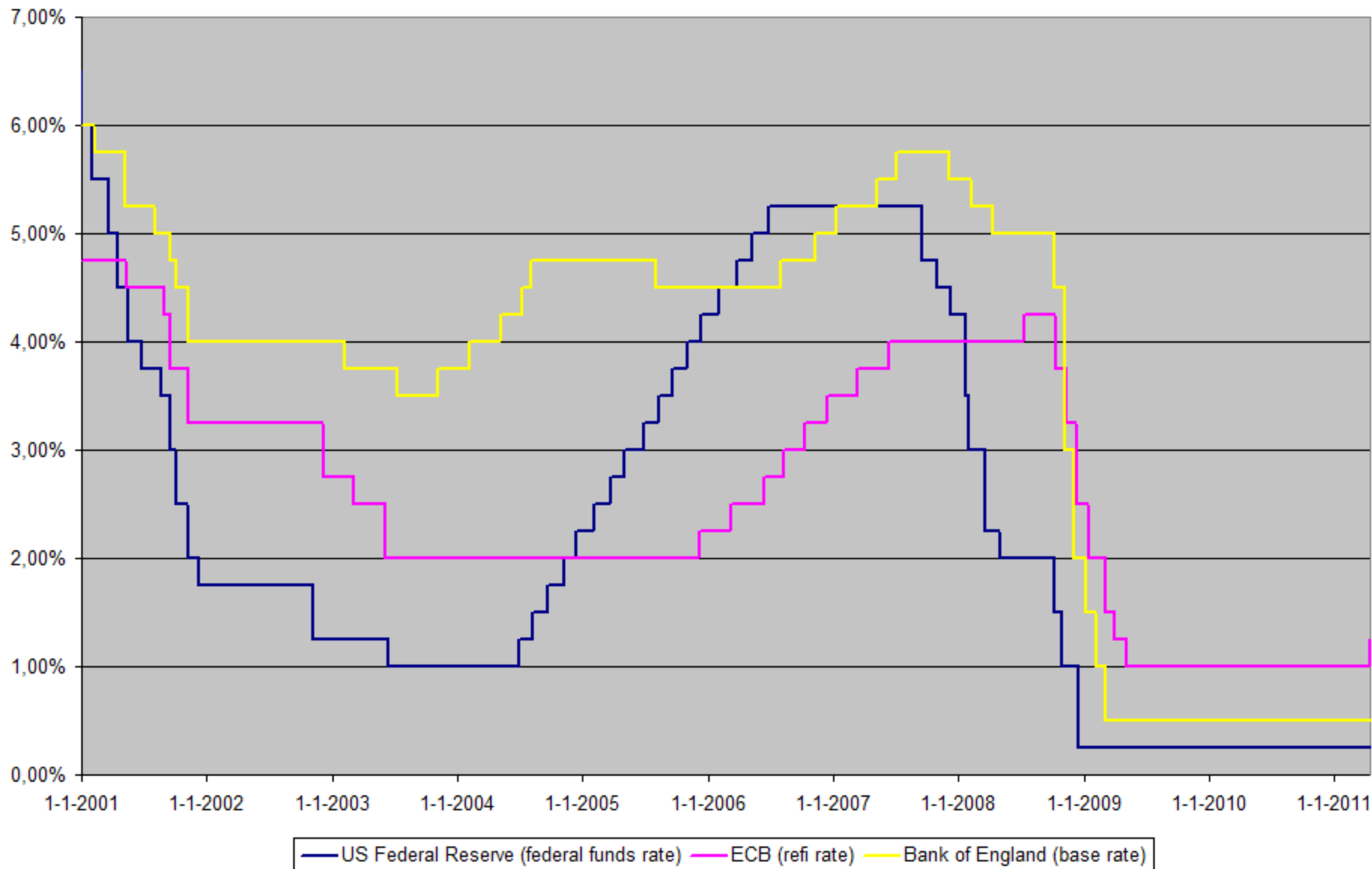
Nền kinh tế có dấu hiệu chậm lại

→ Cắt giảm lãi suất

Lạm phát gia tăng

→ Nâng cao lãi suất

CP M kiểm soát và điều chỉnh nền kinh tế



Diễn biến thay đổi của lãi suất chính sách ở Hoa Kỳ (đường màu xanh).

ANH

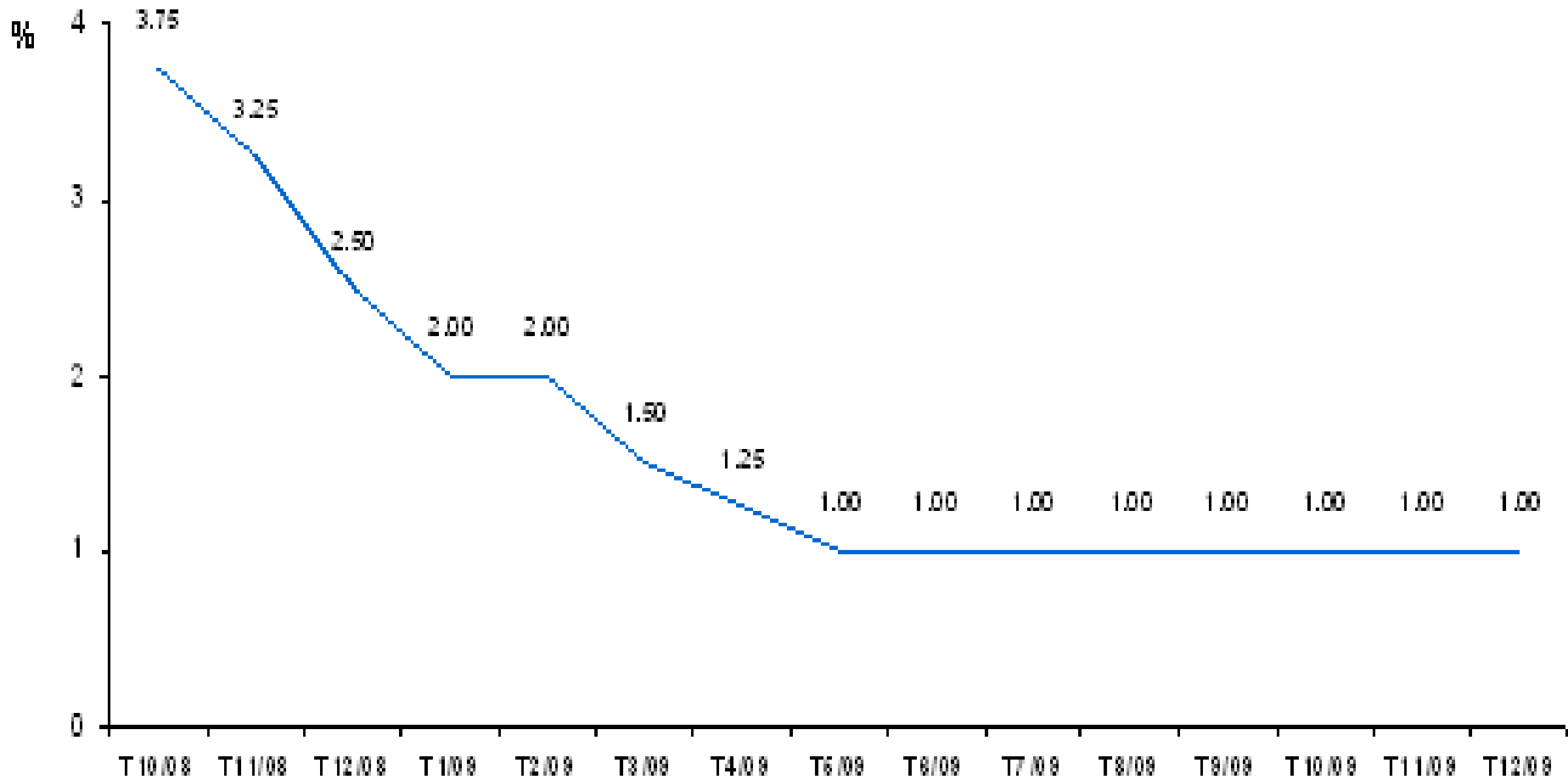


*Trụ sở
Ngân hàng
Trung Ương
Anh ở thủ đô
London*



✚ Ngân hàng Trung Ương Anh (BoE) ngày 7/1/2009 đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức thấp kỷ lục là 0,5%

✚ Hiện Anh Thống đốc Ngân hàng trung Ương Anh ông Mervyn King tuyên bố lạm phát vẫn đang ở mức cao đáng lo ngại và có khả năng Anh sẽ phải nâng lãi suất trong năm nay ngay cả khi kinh tế vẫn chưa tăng trưởng mạnh.



Diễn biến lãi suất qua đêm của ECB

LÃI SUẤT THỰC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

| Country | 3-Month Interest Rate | Consumer Prices (% YoY) | Real 3-Month Interest Rate |
|---------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------|
| Singapore | 0.44 | 3.50 | -3.06 |
| India | 7.23 | 9.80 | -2.57 |
| Hong Kong | 0.30 | 2.60 | -2.30 |
| Philippines | 1.00 | 3.00 | -2.00 |
| China | 3.42 | 4.40 | -0.98 |
| United States | 0.22 | 1.20 | -0.98 |
| Thailand | 2.15 | 2.80 | -0.65 |
| Korea | 2.80 | 3.30 | -0.50 |
| Taiwan | 1.03 | 1.50 | -0.47 |
| Japan | 0.17 | 0.20 | -0.03 |
| Mexico | 4.16 | 4.00 | 0.16 |
| Turkey | 7.87 | 7.30 | 0.57 |
| Colombia | 3.46 | 2.60 | 0.86 |
| Malaysia | 2.97 | 2.00 | 0.97 |
| Chile | 3.60 | 2.50 | 1.10 |
| Indonesia | 8.54 | 6.30 | 2.24 |
| Brazil | 10.66 | 5.60 | 5.06 |

Source: The Economist



III. Cơ chế lãi suất của NHNN Việt Nam.



VND

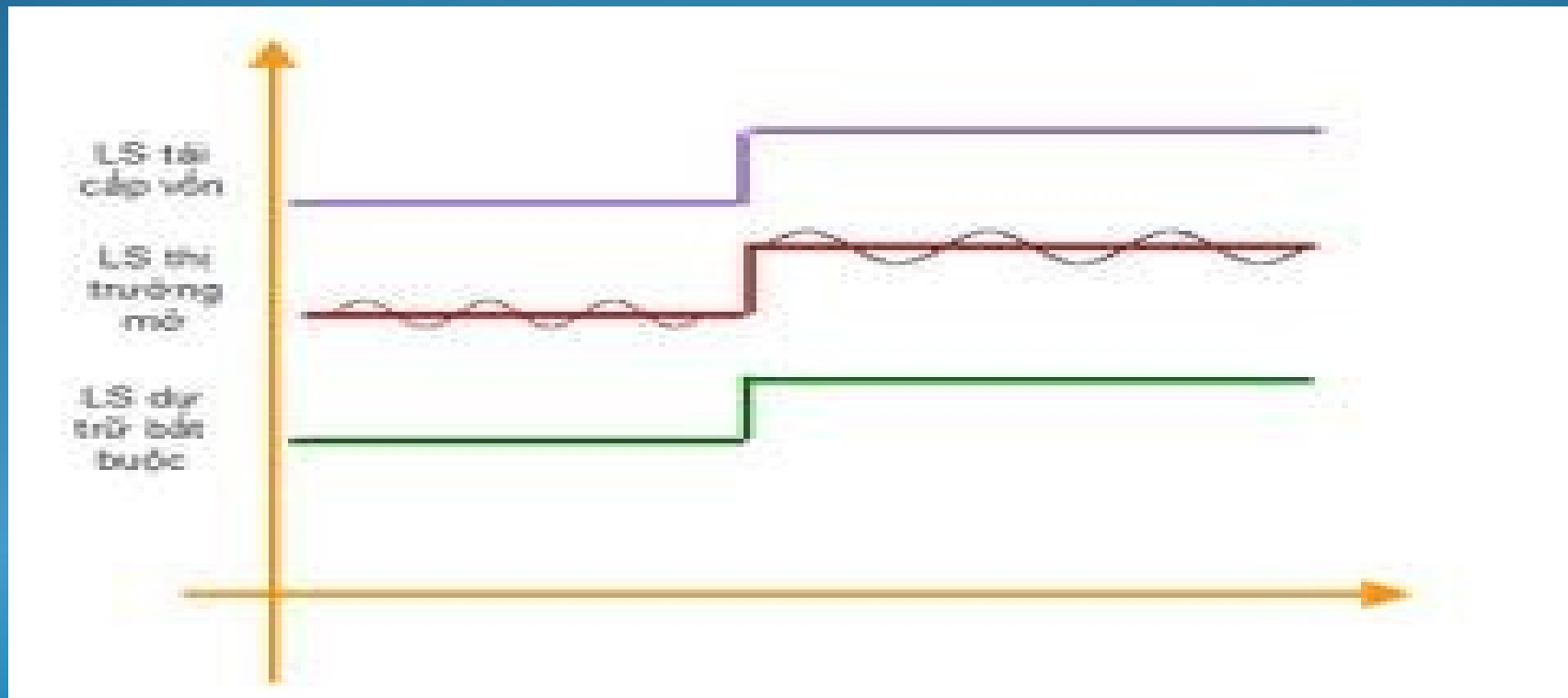
Thị trường ACECh đi u hành lãi suất Việt Nam



Điều hành **lãi suất** là một hoạt động vô cùng quan trọng trong lĩnh vực quản lý thị trường tài chính của Ngân hàng Nhà nước. Điều này được thể hiện rõ nét trong thời điểm vừa qua và cả hiện nay khi mà nền kinh tế đi từ **lạm phát** sang giảm phát.



Từ tháng 2/2010 đến nay, tiếp tục thực hiện cơ chế lãi suất thuận đối với lãi suất cho vay. Riêng đối với lãi suất huy động thực hiện theo trần lãi suất theo ngân hàng nhà nước ấn định (14%). NHNN vẫn tiếp tục công bố lãi suất cơ bản hàng tháng, với mục đích định hướng lãi suất thị trường và chống cho vay nặng lãi. Ngân hàng nhà nước vẫn tiếp tục sử dụng các công cụ: Dự trữ bắt buộc, cặp lãi suất chỉ đạo, tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở đã tác động gián tiếp tới lãi suất thị trường.



Đánh giá và cách đi u hành lãi suất

Giai đ o n 2008-nay

THÀNH T U

Lãi suất trong nền kinh tế dần dần đã trở thành công cụ quan trọng của Nhà nước nhằm thực thi chính sách tiền tệ đối với các mục tiêu xã hội

Lãi suất góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế nói chung , kích thích sự tiết kiệm và khuyến khích đầu tư

Chính sách lãi suất qua các lần biến đổi đã tiến dần đến tự do hóa lãi suất, chuẩn bị cho sự hội nhập về lãi suất với nền kinh tế thế giới

Đánh giá v cơ ch đi u hành lãi su t

H N CH

Hiệu lực,
hiệu quả
của các cơ chế
điều hành LS
chưa cao

Mức độ tự do
của LS
còn hạn chế

Việc điều chỉnh
cơ chế
điều hành lãi suất
rất dễ gây ra
mất ổn định trong
nền kinh tế và khó
có thể đảm bảo
các mục tiêu
của CSTT

Những tác động
không mong
muốn
trong cơ chế
truyền dẫn

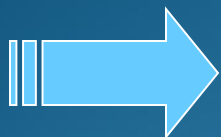
Tính kỷ luật
trong hoạch định
các chính sách
vĩ mô chưa cao,
tình trạng
mâu thuẫn
của các mục tiêu
của các chính sách
vẫn thường xảy ra

✚ các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay) bằng Đồng Việt Nam đối với khách hàng theo nguyên tắc lãi: suất kinh doanh $\leq 150\%$ của LSCB do NHNN công bố áp dụng trong từng thời kỳ

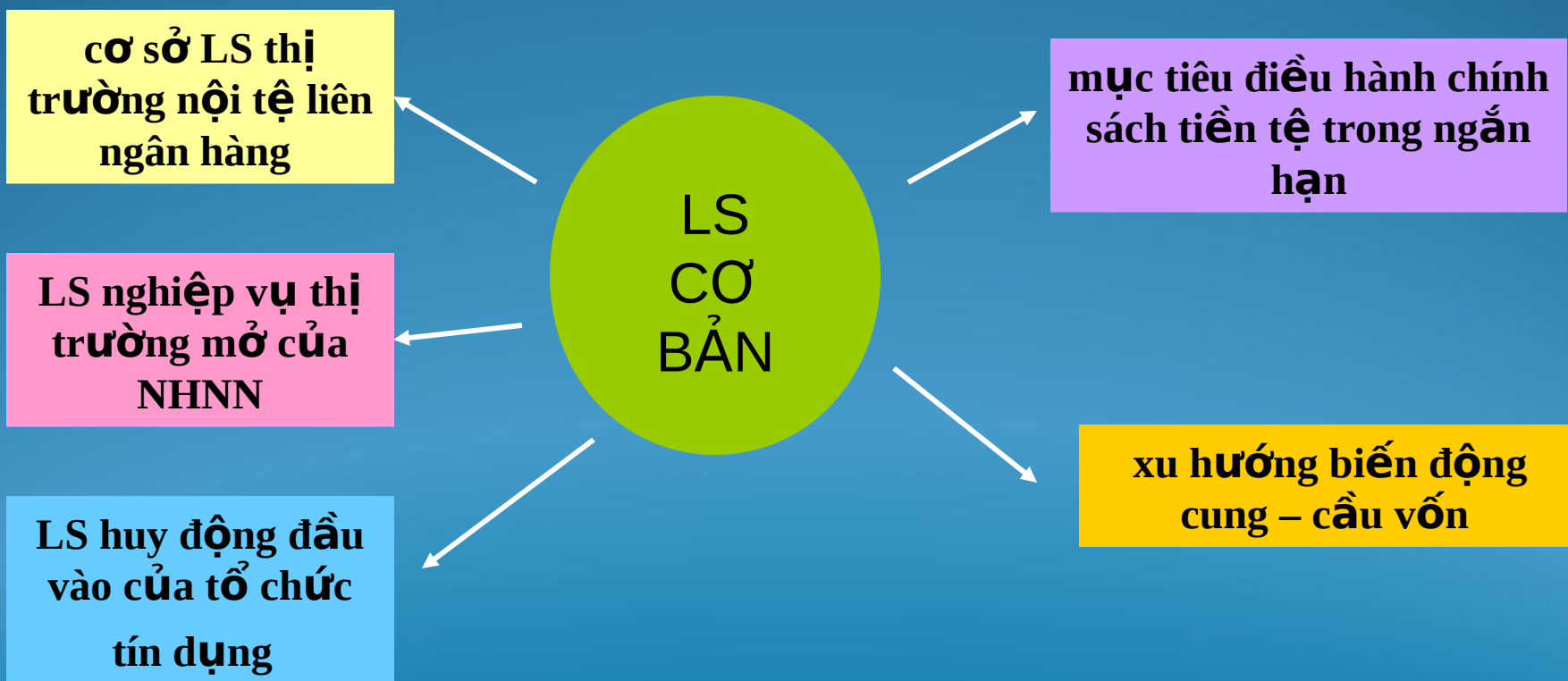
✚ Quyết định số 546/2002/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 5 năm 2002 về việc thực hiện cơ chế lãi suất thoả thuận trong hoạt động tín dụng thương mại bằng đồng Việt Nam của TCTD đối với khách hàng hết hiệu lực thi hành

✚ Thống đốc NHNN đã ban hành các Quyết định thay đổi cơ chế điều hành LS tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu có hiệu lực thi hành từ ngày 19/5/2008: LS tái cấp vốn là 13,0%/năm; LS tái chiết khấu là 11,0%/năm.

III – Từ tháng 5/2008 đến nay:



Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng Đồng Việt Nam:

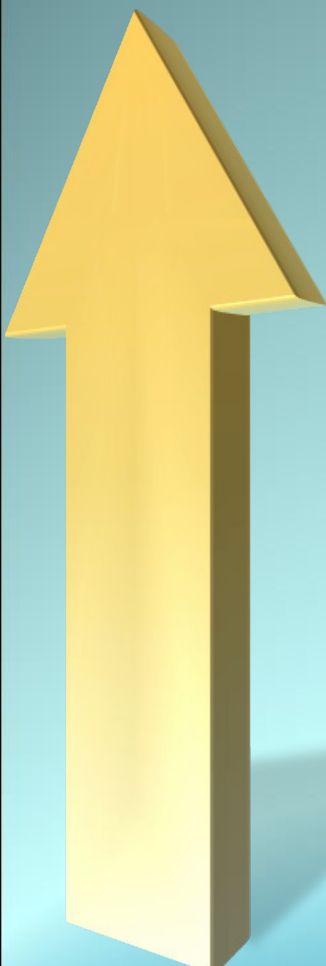


Lãi suất cơ bản của NHTW qua các năm:



Kết luận

Đề xuất hướng phát triển



Áp dụng cơ chế điều hành LSCB là 1 giải pháp phù hợp với các mục tiêu kế vĩ mô, cung - cầu
vốn

NHTW thực hiện điều tiết LS thị trường theo hướng ổn định.

Sự thay đổi cơ chế điều hành lãi suất theo hướng tự do hoá phải trên cơ sở đánh giá một cách khoa học và thực tiễn

Diễn biến lãi suất thị trường

Lãi suất thị trường đầu năm 2008

Lãi suất thị trường trong tháng cuối năm
2008 đến cuối năm 2009

Lãi suất từ 2010 đến nay

Nguyên nhân làm cho lãi suất tăng cao:

Cung tiền đồng trên thị trường cạn kiệt trong khi nhu cầu vốn của nền kinh tế cũng như vay cá nhân tăng cao là nguyên nhân các ngân hàng bước vào cuộc đua lãi suất.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng thêm 1%.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện các biện pháp siết chặt tiền đồng trong lưu thông nhằm triệt để kiểm soát lạm phát ngay từ đầu năm.



Các ngân hàng thương mại buộc phải tăng lãi suất để đẩy mạnh huy động nhằm đảm bảo thanh khoản

mặt bằng lãi suất tại các ngân hàng thương mại lên gần 10%

| Ngân hàng | SCB | EAB | TCB | ACB | STB | OCB | VIB | VietABank |
|-----------|------|------|-------------|-------|-------|------|-------|-----------|
| Kỳ hạn | | | | | | | | |
| KKH | 0.30 | 0.30 | 0.25 | 0,250 | 0.25 | 0.40 | 0.3 | 0.4 |
| 1 tháng | 0.85 | 0.95 | 1.18 | 1.150 | 0,74 | 0.96 | 0.7 | 0.8 |
| 2 tháng | 0.95 | 1.00 | 1.18 | 1.145 | 0,76 | 1.01 | 0.75 | 0.815 |
| 3 tháng | 1.00 | 1.03 | 1.18 | 1.140 | 0,810 | 1.03 | 0.85 | 0.82 |
| 4 tháng | 1.01 | - | 1.18 | | 0,811 | | | 0.825 |
| 5 tháng | 1.03 | - | | | 0,812 | | | 0.83 |
| 6 tháng | 1.05 | 1.05 | 1.18 | 0.860 | 0,815 | 1.03 | 0.86 | 0.84 |
| 7 tháng | 1.06 | - | 1.18 | | 0,816 | | | 0.845 |
| 8 tháng | 1.08 | - | 1.18 | | 0,817 | | | 0.85 |
| 9 tháng | 1.10 | 1.06 | | 0.865 | 0,820 | 1.00 | 0.865 | 0.86 |
| 10 tháng | 1.11 | - | | | 0,821 | | | 0.865 |
| 11 tháng | 1.13 | - | | | 0,822 | | | 0.87 |
| 12 tháng | 1.15 | 1.13 | 1.18 | 0.875 | 0,830 | 0.92 | 0.875 | 0.88 |
| 13 tháng | 1.15 | 1.14 | | 0.880 | 0,840 | 0.92 | | |
| 15 tháng | 1.15 | - | | | 0,841 | | 0.875 | 0.882 |
| 18 tháng | 1.15 | 0.97 | 0.88 | | 0,842 | 0.90 | 0.875 | 0.885 |
| 24 tháng | 1.15 | 0.89 | 0.88 | 0.885 | 0,845 | 0.90 | 0.875 | 0.89 |
| 36 tháng | 1.16 | 0.90 | | 0.890 | 0,850 | | | 0.89 |
| 48 tháng | 1.16 | - | | | | | | |
| 60 tháng | 1.16 | - | | | | | | |

Năm 2009

Lãi suất thị trường liên ngân hàng tương đối ổn định từ đầu năm đến nay; lãi Suất huy động USD tối đa là 1,5%/năm, cho vay là 3 - 5%/năm (giảm 2-3%/năm so với cuối năm 2008); lãi suất cơ bản và tái cấp vốn của NHNN là 7%/năm. Mặt bằng lãi suất từ tháng 4 đến nay đã trở về thời kỳ ổn định.

LÃI SUẤT TIỀN GỬI USD TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG

| Kỳ hạn | DongA (%)/năm | EXIM (%)/năm | SACOM (%)/năm | ACB (%)/năm | BIDV (%)/năm | VCB (%)/năm |
|----------|------------------|-----------------|------------------|----------------|-----------------|----------------|
| 1 tháng | 1,41 | 1,40 | 1,25 | 1,60 | 0,70 | 0,80 |
| 3 tháng | 1,47 | 1,80 | 1,60 | 2,00 | 1,10 | 1,10 |
| 6 tháng | 1,47 | 2,00 | 2,00 | 2,30 | 1,30 | 1,30 |
| 9 tháng | 1,50 | 2,20 | 2,20 | 2,60 | 1,40 | 1,40 |
| 12 tháng | 1,50 | 2,40 | 2,60 | 2,90 | 1,50 | 1,50 |

Theo thống kê từ NHNN, đến cuối tháng 6-2009, lãi suất huy động VND bình quân đầu vào của các NHTM 8,2%/năm, lãi suất cho vay VND bình quân khoảng 10,04%/năm (so với cuối năm 2008, lãi suất huy động tăng 1%/năm, lãi suất cho vay giảm 3,5%/năm).

LÃI SUẤT TIỀN GỬI VND TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG

| Kỳ hạn | DongA (%)/năm | EXIM (%)/năm | SACOM (%)/năm | ACB (%)/năm | BIDV (%)/năm | VCB (%)/năm |
|----------|------------------|-----------------|------------------|----------------|-----------------|----------------|
| 1 tháng | 7,50 | 6,96 | 7,404 | 7,30 | 7,20 | 6,70 |
| 3 tháng | 7,98 | 7,56 | 7,800 | 7,55 | 7,40 | 7,30 |
| 6 tháng | 8,16 | 7,80 | 8,088 | 8,05 | 7,56 | 7,50 |
| 9 tháng | 8,34 | 7,92 | 8,004 | 8,10 | 7,68 | 7,60 |
| 12 tháng | 8,55 | 7,98 | 8,340 | 8,15 | 8,00 | 7,70 |

Nguồn: tổng hợp

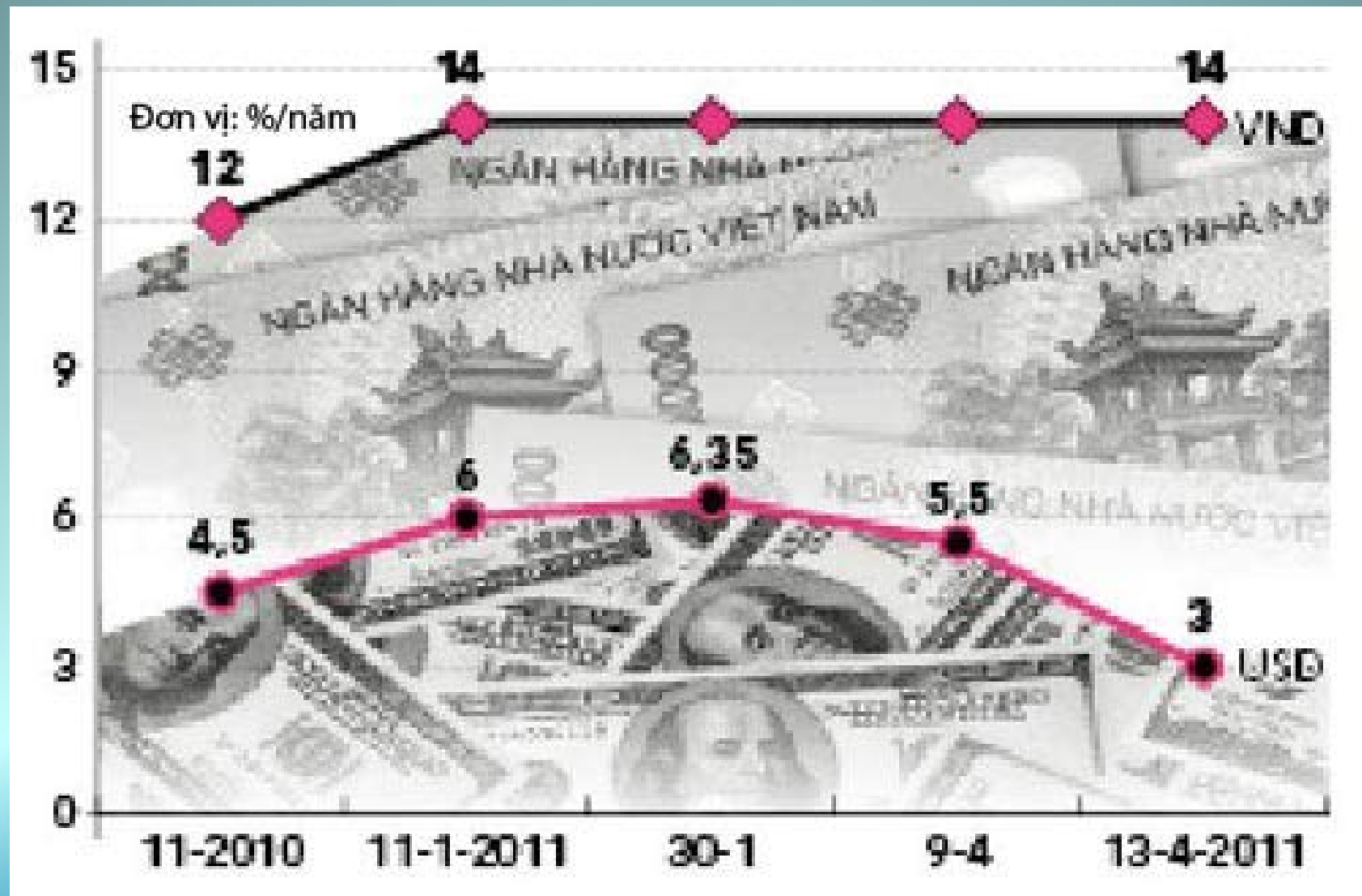
Nguyên nhân làm giảm lãi suất cuối năm 2008 đến cuối 2009

Khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế







trong khi các doanh nghiệp lại quá "khó khăn" nên "KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN" được cho vay, cho nên ngân hàng phải "buộc" hạ lãi suất để "hạ nhiệt" nền kinh tế.

Ngân hàng trung ương thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng đang kể

Lãi suất từ 2010 đến nay tăng cao



Lãi suất tiền gửi bằng VNĐ hiện nay

| Ngân hàng / Kỳ hạn | KKH | 1 | 2 | 3 | 6 | 9 | 12 | 18 | 24 | 36 |
|--|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------------------|-------------------|---------------------|---------------------|
|  ACB NGÂN HÀNG Á CHÂU <i>Ngân hàng của mọi nhà</i> | 4.8 | HOT! 13.88 | HOT! 13.88 | HOT! 13.88 | HOT! 13.88 | HOT! 13.88 | HOT! 14 | | HOT! 11.4 | HOT! 10.9 |
|  SeABank | HOT! 3.6 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 12 | HOT! 12 | |
|  KIENLONG BANK <i>Ngân hàng Kiên Long - Sẵn lòng chia sẻ.</i> | 6 | HOT! 13.96 | HOT! 13.96 | HOT! 13.96 | HOT! 13.5 | HOT! 13.2 | HOT! 13.2 | HOT! 13 | HOT! 13 | HOT! 13 |
|  HABUBANK <i>Giá trị tích lũy niềm tin</i> | 12 | 14 | 14 | 14 | 13.5 | 12 | 13.5 | 12 | 12 | 12 |
|  SCB NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN SAIGON COMMERCIAL BANK | 4.2 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 14 | HOT! 13.55 | HOT! 13.5 | HOT! 13.5 | HOT! 13 | HOT! 13 | HOT! 13 |
|  MID BANK NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN MÊ KÔNG | 10 | 13.8 | 13.8 | 13.8 | 13.9 | 14 | 14 | 11.5 | 11 | |

Nguyên nhân Lãi suất duy trì ở mức rất cao

đầu tư khu vực nhà nước tăng mạnh và sức ép từ các quy định, đặc biệt là do yêu cầu của thông tư 13 yêu cầu nâng hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR từ 8% lên 9% và quy định số tiền cho vay không quá 80% huy động được. và tăng vốn điều lệ tối thiểu lên 3,000 tỷ đồng.

